THUẾ TỈNH HƯNG YÊN
THUẾ CƠ SỞ 4 TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1366/TCS4-NVDTPC
V/v tuyên truyền, phổ biến "những điều cơ bản người nộp thuế cần biết"

Yên Mỹ, ngày 14 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:
- UBND các xã;
- Người nộp thuế trên địa bàn Thuế cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên quản lý.

Thực hiện công văn số 6436/CT-PC ngày 28/8/2026 của Cục Thuế; công văn số 1658/HYE-NVDTPC ngày 10/9/2026 của Thuế tỉnh Hưng Yên về về tuyên truyền, phổ biến **"Những điều cơ bản người nộp thuế cần biết".** Thuế cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên triển khai tuyên truyền, phổ biến, như sau:

Thực hiện nghĩa vụ thuế là trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và cá nhân có phát sinh nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước. Từ ngày 01/7/2026, Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có hiệu lực, tiếp tục đẩy mạnh quản lý thuế trên nền tảng số, tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, đồng thời tạo thuận lợi để người nộp thuế thực hiện thủ tục thuế bằng phương thức điện tử.

Sau đây là **"Những điều cơ bản người nộp thuế cần biết"** và cần thực hiện, từ khi được cấp mã số thuế, trong quá trình hoạt động, đến khi thay đổi, tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động. Nội dung mang tính hướng dẫn chung; đối với từng loại người nộp thuế, sắc thuế, khoản thu, ngành nghề và giao dịch cụ thể cần thực hiện theo quy định tương ứng, cụ thể:

PHẦN I. ĐƯỢC CẤP MÃ SỐ THUẾ - CẦN LÀM GÌ NGAY?

1. Kiểm tra thông tin đăng ký thuế

Sau khi được cấp mã số thuế, người nộp thuế cần kiểm tra các thông tin đã được ghi nhận trên hệ thống để bảo đảm đầy đủ, chính xác và phù hợp với hồ sơ pháp lý.

- Tên NNT; mã số thuế; số định danh cá nhân hoặc thông tin giấy tờ pháp lý.
- Địa chỉ trụ sở, địa chỉ kinh doanh, địa điểm kinh doanh.
- Người đại diện theo pháp luật hoặc chủ hộ kinh doanh.
- Số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và các thông tin liên hệ.
- Các thông tin đăng ký thuế khác có liên quan đến hoạt động của người nộp thuế.

VIỆC CẦN LÀM NGAY: Kiểm tra ít nhất 05 thông tin: Mã số thuế - Tên - Địa chỉ - Số điện thoại - Email. Nếu có sai lệch, cần thực hiện thủ tục điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

(Căn cứ quy định về đăng ký thuế tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và hướng dẫn tại Thông tư số 90/2026/TT-BTC)

2. Quản lý và sử dụng mã số thuế đúng quy định

Quản lý thuế ngày càng gắn với dữ liệu dân cư và định danh điện tử. Theo Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chính là số định danh cá nhân được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước. Vì vậy, cá nhân cần bảo đảm các thông tin như họ tên, ngày sinh, số định danh cá nhân/CCCD và các thông tin đăng ký thuế được cập nhật đầy đủ, chính xác.

Trường hợp phát hiện thông tin thuế chưa đúng hoặc chưa đồng bộ, người nộp thuế nên chủ động thực hiện thủ tục thay đổi, bổ sung thông tin để tránh phát sinh vướng mắc khi kê khai, quyết toán, hoàn thuế hoặc thực hiện các thủ tục hành chính khác.

CẢNH BÁO RỦI RO: Khi chuyển địa chỉ trụ sở hoặc địa điểm kinh doanh, cần xác định việc thay đổi có làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp hay không để thực hiện đúng thủ tục tại nơi chuyển đi và nơi chuyển đến theo quy định. Khi người nộp thuế không cập nhật địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế thì việc cơ quan thuế không xác định được người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký có thể làm phát sinh các hệ quả pháp lý trong quản lý thuế.

(Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15; Thông tư số 90/2026/TT-BTC)

PHẦN II. GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ VỚI CƠ QUAN THUẾ

1. Sử dụng và bảo vệ tài khoản giao dịch thuế điện tử

Người nộp thuế cần chủ động đăng ký, sử dụng các phương thức giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định và lộ trình áp dụng.

- Hệ thống thông tin quản lý thuế, Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.
- Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Các phương thức điện tử khác được pháp luật cho phép.

Người nộp thuế cần bảo vệ tài khoản, mật khẩu, chữ ký số và phương thức xác thực điện tử; không giao tài khoản cho người không có trách nhiệm sử dụng.

2. Thường xuyên kiểm tra thông báo của cơ quan thuế

Nên hình thành thói quen kiểm tra định kỳ tài khoản giao dịch thuế điện tử, email, số điện thoại và ứng dụng thuế điện tử để không bỏ sót thông báo, yêu cầu, quyết định hoặc nghĩa vụ đến hạn.

CẦN NHỚ: Không nên chỉ kiểm tra tài khoản thuế khi đến kỳ khai hoặc nộp thuế. Hãy chủ động rà soát: hồ sơ còn thiếu - nghĩa vụ sắp đến hạn - khoản nợ - tiền chậm nộp - thông báo của cơ quan thuế.

(Căn cứ quy định tại Nghị định số 252/2026/NĐ-CP)

PHẦN III. KHAI THUẾ - NỘP ĐÚNG - NỘP ĐỦ - NỘP ĐÚNG HẠN

1. Chủ động xác định nghĩa vụ khai thuế

Khi phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thu nhập, giao dịch hoặc căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ thuế, người nộp thuế cần xác định đúng loại thuế, phương pháp tính, kỳ khai, hồ sơ, phương thức nộp và thời hạn. Việc khai thuế, tính thuế và phân bổ thuế thực hiện theo Chương III Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

Tùy loại thuế, khoản thu và hoạt động phát sinh, việc khai thuế có thể được thực hiện theo tháng, theo quý, theo năm, theo từng lần phát sinh, theo từng lần thanh toán, khi phát sinh giao dịch, khi quyết toán thuế, khi chấm dứt hoạt động hoặc các trường hợp khác theo quy định.

Một số loại thuế thường phát sinh:

- Thuế giá trị gia tăng (GTGT): việc khai thuế phụ thuộc phương pháp tính thuế, hoạt động và kỳ khai áp dụng; người nộp thuế thực hiện theo quy định pháp luật về thuế GTGT và hướng dẫn quản lý thuế tương ứng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): về nguyên tắc là loại thuế tạm nộp theo quý và quyết toán năm; một số trường hợp khai theo từng lần phát sinh theo quy định.

- Thuế thu nhập cá nhân (TNCN): tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoặc cá nhân trực tiếp khai thuế xác định nghĩa vụ khai, khấu trừ, quyết toán theo loại thu nhập và trường hợp cụ thể; hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện theo quy định riêng áp dụng cho hoạt động kinh doanh.

Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong quản lý thuế theo nguyên tắc tại Điều 8 Thông tư số 89/2026/TT-BTC; sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử, chữ ký điện tử/phương thức xác thực và hệ thống điện tử theo quy định.

05 CÂU HỎI CẦN TRẢ LỜI: Khai loại thuế nào? - Khai theo kỳ nào? - Hồ sơ gồm những gì? - Nộp bằng phương thức nào? - Hạn cuối là ngày nào?

(Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và Thông tư số 89/2026/TT-BTC)

2. Không phát sinh số thuế phải nộp có phải khai thuế không?

Người nộp thuế cần phân biệt rõ: "không phát sinh số thuế phải nộp" và "không phải nộp hồ sơ khai thuế" là hai vấn đề khác nhau.

Pháp luật quy định cụ thể các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế. Tùy từng trường hợp và điều kiện, có thể gồm: chỉ có hoạt động thuộc đối tượng không chịu thuế; một số trường hợp không phát sinh nghĩa vụ khấu trừ; đang tạm ngừng hoạt động và đáp ứng điều kiện; đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ nghĩa vụ còn phải thực hiện; hoặc cơ quan thuế đã có đủ dữ liệu theo quy định để xác định nghĩa vụ thuế.

Điều 11 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP quy định các trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế, khoản thu khác. Trong đó có các trường hợp như: chỉ có hoạt động, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế (trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng đối với hộ, cá nhân kinh doanh); một số trường hợp liên quan đến thu nhập được miễn thuế TNCN; và các trường hợp khác được quy định cụ thể tại Điều này. Người nộp thuế cần đối chiếu đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành để xác định đúng trường hợp của mình.

CẦN NHỚ: Không nên tự suy luận rằng "không có thuế phải nộp thì không cần khai". Hãy xác định đúng trường hợp cụ thể theo quy định.

(Căn cứ quy định tại Nghị định số 252/2026/NĐ-CP)

3. Thời hạn khai thuế

Đối với tổ chức, doanh nghiệp và các đối tượng thực hiện theo Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, một số thời hạn cơ bản tại Điều 10 gồm:

Hình thức khai	Thời hạn cơ bản
Theo từng lần phát sinh	Chậm nhất ngày thứ 10 kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh nghĩa vụ thuế, trừ trường hợp có quy định khác.
Theo tháng	Chậm nhất ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.
Theo quý	Chậm nhất ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế.
Theo năm/quyết toán	Thực hiện theo thời hạn cụ thể tại Điều 10 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và quy định của từng sắc thuế, trường hợp.

Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thời hạn thực hiện theo Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung.

Lưu ý: Từng sắc thuế, khoản thu hoặc trường hợp cụ thể có thể có quy định riêng. Người nộp thuế cần căn cứ đúng nghĩa vụ phát sinh để xác định thời hạn. Đối với hoạt động cho thuê bất động sản thực hiện khai thuế theo kỳ và thời hạn riêng. *(Căn cứ quy định tại Nghị định số 252/2026/NĐ-CP)*

4. Phát hiện khai sai thì nên chủ động khai bổ sung

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế, nếu người nộp thuế tự phát hiện hồ sơ đã nộp có sai sót thì cần chủ động xác định trường hợp được khai bổ sung và thực hiện sớm theo quy định, thay vì chờ cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện. Việc chủ động rà soát, điều chỉnh hồ sơ giúp số liệu thuế chính xác, đồng thời hạn chế số tiền chậm nộp và rủi ro bị xử phạt.

Theo Điều 12 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP (quy định chi tiết khoản 5 Điều 12 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15), người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế, khoản thu khác đã nộp có sai, sót thì được khai bổ sung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót (rút ngắn so với thời hạn 10 năm theo quy định trước đây). Quá thời hạn 5 năm, người nộp thuế không được khai bổ sung hồ sơ của kỳ tính thuế đó, nhưng vẫn có quyền giải trình với cơ quan thuế về sai, sót đã phát hiện.

NGUYÊN TẮC: Phát hiện sớm - Kiểm tra ngay - Khai bổ sung đúng quy định - Nộp đầy đủ nghĩa vụ phát sinh.

(Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, Nghị định số 252/2026/NĐ-CP và Thông tư số 89/2026/TT-BTC)

5. Thời hạn nộp tiền thuế

Khai thuế và nộp tiền thuế là hai nghĩa vụ có liên quan nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Người nộp thuế cần đồng thời theo dõi hạn nộp hồ sơ khai thuế và hạn nộp tiền thuế.

* Đối với trường hợp NNT tự tính thuế (tự khai, tự nộp):

- Khai thuế thông thường: Hạn nộp tiền chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

- Khai bổ sung (khi có sai sót): Hạn nộp tiền được tính theo hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế gốc (kỳ có sai sót).

- Tạm nộp theo quý: Thực hiện theo quy định riêng cho từng sắc thuế.

* Đối với trường hợp cơ quan thuế (hoặc cơ quan nhà nước) tính và thông báo:

- Hạn nộp tiền là ngày được ghi cụ thể trên Thông báo, Quyết định hoặc văn bản xử lý của cơ quan thuế và cơ quan có thẩm quyền.

* Lưu ý khi có khiếu nại, khởi kiện: Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, khởi kiện về số tiền thuế/phạt, NNT vẫn phải nộp đầy đủ và đúng hạn số tiền theo Thông báo, Quyết định hoặc văn bản xử lý của cơ quan thuế và cơ quan có thẩm quyền trừ khi có Quyết định tạm đình chỉ thi hành Thông báo/Quyết định/văn bản xử lý thuế từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Theo Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, mức tiền chậm nộp là 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp. Trường hợp bất khả kháng, người nộp thuế khai theo tháng, quý, năm hoặc từng lần phát sinh nghĩa vụ có thể được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế không quá 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ. Vì vậy, người nộp thuế nên thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản còn nợ trên tài khoản giao dịch thuế điện tử.

MẸO HẠN CHẾ RỦI RO: Không chờ đến ngày cuối cùng mới thực hiện. Nên đặt lịch nhắc trước hạn để có thời gian xử lý lỗi hệ thống, sai thông tin, giao dịch ngân hàng chưa hoàn tất hoặc khoản nộp chưa được hạch toán.

6. Tiền chậm nộp, xử phạt và cưỡng chế

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thuế có thể làm phát sinh tiền chậm nộp, xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp quản lý thuế khác theo quy định. Khi thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế liên quan đến tài khoản, thu nhập, tài sản, hóa đơn hoặc các biện pháp khác theo quy định.

Điều 49 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 quy định 08 biện pháp cưỡng chế:

- Trích tiền từ tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; phong tỏa tài khoản.
- Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập.
- Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Ngừng sử dụng hóa đơn.
- Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ.
- Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.
- Nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản.
- Thu hồi các giấy chứng nhận đăng ký, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hành nghề, đăng ký/giấy phép hoạt động kinh doanh nền tảng thương mại điện tử theo quy định.

(Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15)

PHẦN IV. HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ - LẬP ĐÚNG VÀ SỬ DỤNG ĐÚNG

1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán có trách nhiệm lập hóa đơn điện tử giao cho người mua theo quy định, trừ trường hợp pháp luật quy định không phải sử dụng hóa đơn điện tử.

- Sử dụng đúng loại hóa đơn và lập đúng thời điểm.
- Ghi đầy đủ, chính xác nội dung; phản ánh đúng giao dịch kinh tế thực tế.
- Gửi hóa đơn cho người mua theo quy định.
- Xử lý hóa đơn sai sót đúng phương thức và lưu trữ dữ liệu theo quy định.
- Không sử dụng hóa đơn không hợp pháp hoặc sử dụng hóa đơn không hợp pháp.

2. Một số thời điểm lập hóa đơn cơ bản

Bán hàng hóa: về nguyên tắc, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa.

Cung cấp dịch vụ: về nguyên tắc, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa, trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc theo quy định Bộ luật Dân sự để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ).

Xây dựng, lắp đặt: thời điểm lập hóa đơn gắn với thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành theo quy định không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

CẢNH BÁO: Không nên hiểu rằng "chưa thu tiền thì chưa cần lập hóa đơn". Trong nhiều trường hợp, thời điểm lập hóa đơn không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa. Việc người mua không yêu cầu lấy hóa đơn không đồng nghĩa với việc người bán được miễn nghĩa vụ lập hóa đơn nếu pháp luật quy định phải lập.

(Căn cứ quy định tại Nghị định số 141/2026/NĐ-CP; Nghị định số 254/2026/NĐ-CP)

PHẦN V. TẠM NGỪNG, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Khi tạm ngừng kinh doanh

Khi tạm ngừng hoạt động, kinh doanh, người nộp thuế cần thực hiện thủ tục theo đúng quy định và kiểm tra các nghĩa vụ còn tồn tại trước thời điểm tạm ngừng. Trong thời gian tạm ngừng, việc khai thuế, sử dụng hóa đơn và các nghĩa vụ khác thực hiện theo điều kiện áp dụng đối với từng trường hợp.

CẦN NHỚ: Tạm ngừng trên thực tế nhưng không thực hiện thủ tục theo quy định có thể dẫn đến việc nghĩa vụ thuế vẫn tiếp tục được theo dõi trên hệ thống.

2. Chấm dứt hoạt động - hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế

- Hồ sơ khai thuế, hồ sơ quyết toán còn thiếu.
- Tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp.
- Hóa đơn điện tử và dữ liệu liên quan.
- Khoản nộp thừa, thông báo hoặc quyết định chưa xử lý.
- Các nghĩa vụ thuế khác theo quy định.

ĐỪNG BỎ MÃ SỐ THUẾ: Không hoạt động trên thực tế không đồng nghĩa với việc đã chấm dứt nghĩa vụ về thuế. Khi không tiếp tục kinh doanh, cần thực hiện đúng thủ tục tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động.

PHẦN VI. TẠM HOÃN XUẤT CẢNH DO NỢ THUẾ

Pháp luật quy định cụ thể đối tượng, mức nợ, thời gian nợ và điều kiện áp dụng tạm hoãn xuất cảnh. Vì vậy, có nợ thuế không đồng nghĩa với việc tự động bị tạm hoãn xuất cảnh.

Người nộp thuế sẽ bị cơ quan thuế ban hành thông báo tạm hoãn xuất cảnh nếu thuộc các trường hợp sau:

- Cá nhân, hộ kinh doanh: nợ từ 50 triệu đồng trở lên và quá thời hạn nộp từ 120 ngày trở lên;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã: nợ từ 500 triệu đồng trở lên và quá thời hạn nộp từ 120 ngày trở lên.

Lưu ý: Người nộp thuế đã bị cơ quan thuế xác định "không hoạt động tại địa chỉ đăng ký" sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh. Trường hợp này không phụ thuộc vào việc NNT có phát sinh nợ thuế hay không.

TRƯỚC KHI XUẤT CẢNH: Truy cập tài khoản giao dịch thuế điện tử, ứng dụng eTax Mobile hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan thuế để kiểm tra nghĩa vụ, nợ thuế, thông báo và tình trạng liên quan đến tạm hoãn xuất cảnh; nếu đã nộp tiền nhưng dữ liệu chưa cập nhật, chủ động cung cấp chứng từ để cơ quan thuế đối chiếu.

(Căn cứ quy định tại Nghị định số 252/2026/NĐ-CP)

PHẦN VII. HỘ, CÁ NHÂN KINH DOANH: TỪ NĂM 2026 CÓ NHIỀU THAY ĐỔI QUAN TRỌNG

Hộ, cá nhân kinh doanh là một trong những nhóm người nộp thuế chịu tác động lớn nhất của các chính sách mới năm 2026.

1. Từ ngày 01/01/2026 không còn áp dụng phương pháp khoán thuế

Theo khoản 6 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15, hộ, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01/01/2026 mà thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật về quản lý thuế (kê khai theo doanh thu, chi phí thực tế). Đồng thời, theo khoản 7 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15, chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01/01/2026, áp dụng cho cả doanh nghiệp và hộ, cá nhân kinh doanh.

(Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 (khoản 6, khoản 7 Điều 10); Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

2. Doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở xuống không phải nộp thuế GTGT và TNCN từ hoạt động kinh doanh

- Doanh thu năm từ 1 tỷ đồng trở xuống: không phải nộp thuế GTGT và thuế TNCN đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quy định.
- Doanh thu năm trên 1 tỷ đồng: phát sinh nghĩa vụ thuế theo phương pháp, tỷ lệ hoặc thu nhập tính thuế tương ứng với quy mô và loại hình hoạt động theo pháp luật hiện hành.

Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh tự xác định doanh thu năm từ 1 tỷ đồng trở xuống nhưng trước đó đã kê khai, nộp thuế theo ngưỡng cũ (500 triệu

đồng) thì được xử lý bù trừ hoặc hoàn trả số thuế đã nộp thừa theo Điều 12 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

Không phải nộp thuế không có nghĩa là không cần quan tâm đến thủ tục quản lý thuế. Hộ, cá nhân kinh doanh vẫn cần theo dõi doanh thu thực tế, thực hiện việc khai hoặc thông báo theo trường hợp áp dụng và lưu giữ thông tin, chứng từ cần thiết.

(Căn cứ quy định tại Nghị định số 141/2026/NĐ-CP ngày 29/4/2026)

3. Mốc doanh thu 3 tỷ đồng vẫn là mốc quan trọng đối với phương pháp tính thuế TNCN

Theo Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 và các quy định sửa đổi, bổ sung năm 2026, đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu trên mức không phải nộp thuế nhưng không quá 3 tỷ đồng/năm, pháp luật có cơ chế xác định thuế theo phương pháp phù hợp. Đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 3 tỷ đồng/năm, thuế TNCN được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế theo quy định.

(Căn cứ quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15; Nghị định số 253/2026/NĐ-CP; Thông tư số 87/2026/TT-BTC)

Cần nhớ: Các đề xuất chính sách chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành và chưa có hiệu lực không phải là căn cứ để kê khai, nộp thuế.

4. Tài khoản ngân hàng, ví điện tử sử dụng cho kinh doanh cần được quản lý rõ ràng

Các quy định mới về quản lý hộ, cá nhân kinh doanh tăng cường minh bạch dữ liệu doanh thu và dòng tiền. Hộ, cá nhân kinh doanh cần theo dõi và thực hiện đúng quy định về thông tin tài khoản ngân hàng, ví điện tử liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(Căn cứ quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP; Thông tư số 18/2026/TT-BTC; Thông tư số 50/2026/TT-BTC)

5. Kinh doanh online, bán hàng qua sàn và nền tảng số cũng là hoạt động kinh doanh

Bán hàng qua website, ứng dụng, mạng xã hội, livestream hoặc các sàn thương mại điện tử không làm thay đổi bản chất của nghĩa vụ thuế.

Người kinh doanh cần:

- Theo dõi toàn bộ doanh thu phát sinh từ các kênh bán hàng;
- Phân biệt khoản thuế do mình phải trực tiếp kê khai với khoản đã được tổ chức, nền tảng khấu trừ hoặc nộp thay theo quy định;
- Bảo đảm thông tin định danh, mã số thuế được sử dụng thống nhất;
- Lưu giữ dữ liệu giao dịch, đơn hàng, hàng hoàn trả, hủy đơn và các tài liệu có liên quan;
- Thực hiện nghĩa vụ hóa đơn nếu thuộc đối tượng phải sử dụng hóa đơn điện tử.

Theo Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số trong nước có chức năng đặt hàng trực tuyến và thanh toán có trách nhiệm khấu trừ và nộp thay thuế cho hộ, cá nhân kinh doanh (bao gồm cả cá nhân cư trú và không cư trú) trong một số trường hợp theo quy định.

Cần nhớ: Có doanh thu trên nhiều sàn, nhiều tài khoản hoặc nhiều kênh bán hàng không có nghĩa mỗi kênh được tính riêng một ngưỡng miễn thuế. Việc xác định doanh thu phải thực hiện theo quy định đối với tổng hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi tính thuế.

(Căn cứ quy định tại Nghị định số 252/2026/NĐ-CP (Điều 40, Điều 43, Điều 45); Thông tư số 90/2026/TT-BTC)

PHẦN VII. THUẾ TNCN ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG, TIỀN LƯƠNG

Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026; riêng các quy định liên quan đến thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

1. Mức giảm trừ gia cảnh đã tăng từ năm 2026

- Giảm trừ cho bản thân người nộp thuế: 15,5 triệu đồng/tháng, tương đương 186 triệu đồng/năm (trước đây 11 triệu đồng/tháng).
- Giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc: 6,2 triệu đồng/tháng (trước đây 4,4 triệu đồng/tháng).

Người nộp thuế cần đăng ký, kê khai người phụ thuộc đúng quy định (qua Mẫu 20-ĐK-TH-TCT hoặc theo hướng dẫn hiện hành) để được tính giảm trừ khi xác định nghĩa vụ thuế.

(Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 ngày 17/10/2025)

2. Lần đầu tiên có thêm khoản giảm trừ đối với chi phí y tế, giáo dục

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công được giảm trừ thêm vào thu nhập chịu thuế (ngoài mức giảm trừ gia cảnh) đối với các khoản chi thực tế cho y tế, giáo dục - đào tạo của bản thân người nộp thuế và người phụ thuộc, cụ thể:

- Chi cho khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước thuộc phạm vi danh mục do bảo hiểm y tế chi trả: tối đa 23 triệu đồng/năm.
- Chi cho giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước (học phí giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và các kỹ năng chuyên môn khác theo quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo): tối đa 24 triệu đồng/năm.

Như vậy, tổng mức giảm trừ tối đa cho hai khoản chi này là 47 triệu đồng/năm (nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện). Để được giảm trừ, khoản chi phải đáp ứng các điều kiện theo khoản 3 Điều 49 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP:

- Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; riêng khoản chi cho y tế phải có thêm Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định;
- Hóa đơn, chứng từ phải thể hiện đúng thông tin của người nộp thuế hoặc người phụ thuộc của người nộp thuế;
- Không được chi trả từ các nguồn khác, kể cả từ nguồn tài trợ, hỗ trợ, trả thay của tổ chức, cá nhân, nguồn ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế hoặc các hình thức bảo hiểm chi trả khác.

Khoản chi phát sinh vào năm nào được tính giảm trừ vào thu nhập chịu thuế của năm đó, không được chuyển trừ sang năm tính thuế tiếp theo. Người

nộp thuế cần lưu giữ đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ để xuất trình khi quyết toán hoặc khi cơ quan thuế yêu cầu giải trình.
(Căn cứ quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15; Nghị định số 253/2026/NĐ-CP (Điều 49))

3. Biểu thuế tiền lương, tiền công giảm từ 7 bậc xuống còn 5 bậc

Thu nhập tính thuế/tháng	**Thuế suất**
Đến 10 triệu đồng	5%
Trên 10 đến 30 triệu đồng	10%
Trên 30 đến 60 triệu đồng	20%
Trên 60 đến 100 triệu đồng	30%
Trên 100 triệu đồng	35%

Đây là biểu thuế lũy tiến từng phần: phần thu nhập tính thuế nằm trong bậc nào chỉ chịu thuế suất của bậc đó, không phải toàn bộ thu nhập chịu thuế suất của bậc cao nhất. So với biểu thuế 7 bậc trước đây, biểu thuế mới đã bỏ hai mức thuế suất 15% và 25%, đồng thời nới rộng khoảng cách thu nhập giữa các bậc (mức khởi điểm chịu thuế 5% tăng từ 5 triệu lên 10 triệu đồng/tháng; ngưỡng thuế suất cao nhất 35% tăng từ trên 80 triệu lên trên 100 triệu đồng/tháng).

Trước khi áp dụng biểu thuế còn phải xác định thu nhập chịu thuế (tổng thu nhập trừ các khoản miễn/không tính thuế như bảo hiểm bắt buộc) và các khoản được giảm trừ (giảm trừ gia cảnh, bảo hiểm bắt buộc, đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học, chi phí y tế - giáo dục...) theo quy định.
(Căn cứ quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15)

PHẦN VIII. 08 THÓI QUEN GIÚP HẠN CHẾ RỦI RO

1. Kiểm tra thông tin đăng ký thuế: Bảo đảm tên, địa chỉ, số điện thoại, email và các thông tin đăng ký luôn chính xác.

2. Kiểm tra tài khoản thuế điện tử: Không bỏ sót thông báo, yêu cầu hoặc nghĩa vụ đến hạn.

3. Lập lịch khai và nộp thuế: Đặt lịch nhắc trước hạn thay vì chờ đến ngày cuối cùng.

4. Đối chiếu hóa đơn - doanh thu - hồ sơ khai thuế: Thường xuyên kiểm tra dữ liệu để phát hiện sai lệch.

5. Kiểm tra kết quả nộp tiền: Nộp tiền xong cần kiểm tra khoản nộp đã được ghi nhận đúng nghĩa vụ.

6. Phát hiện sai sót thì xử lý sớm: Không để sai sót kéo dài qua nhiều kỳ.

7. Có thay đổi thì cập nhật ngay: Đặc biệt là địa chỉ, thông tin liên hệ, người đại diện và tình trạng hoạt động.

8. Theo dõi nợ thuế: Không để khoản nợ nhỏ kéo dài thành khoản nợ lớn kèm tiền chậm nộp và rủi ro cưỡng chế.

TỰ KIỂM TRA: Nếu có câu trả lời "chưa biết" hoặc "chưa thực hiện", người nộp thuế nên kiểm tra và xử lý sớm.

CHỦ ĐỘNG TÌM HIỂU - KÊ KHAI ĐÚNG - NỘP THUẾ ĐÚNG HẠN - TUÂN THỦ TỐT

Chính sách thuế đang thay đổi theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tăng cường hỗ trợ, chuyển đổi số và quản lý dựa trên dữ liệu. Để bảo vệ quyền lợi của mình và hạn chế rủi ro, người nộp thuế cần chủ động cập nhật quy định, sử dụng các dịch vụ thuế điện tử, kiểm tra thường xuyên tình trạng nghĩa vụ thuế và kịp thời trao đổi với cơ quan thuế khi phát sinh vướng mắc.

Trên đây là nội dung tuyên truyền, phổ biến **"Những điều cơ bản người nộp thuế cần biết"**; đề nghị UBND các xã phối hợp, triển khai tuyên truyền, phổ biến đến người nộp thuế biết để thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo TCS4;
- Các Tổ thuộc TCS4;
- Lưu: VT, NVDTPC.

KT.TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THUẾ CƠ SỞ 4 TỈNH HƯNG YÊN
THUẾ TỈNH HƯNG YÊN

Vũ Văn Toản